

Số: /GP-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC MẶT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước mặt của Công ty cổ phần phát triển công nghiệp Bắc Kạn ngày 02/10/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 582/TTr-SNNMT ngày 28/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần phát triển công nghiệp Bắc Kạn (Địa chỉ tại tổ 11B, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên) được khai thác nước mặt với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Công trình khai thác nước mặt của Công ty cổ phần phát triển công nghiệp Bắc Kạn tại Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Feromangan, công suất 60.000 tấn/năm.

2. Mục đích khai thác nước: Phục vụ cấp nước cho sản xuất, chế biến khoáng sản tại Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Feromangan, công suất 60.000 tấn/năm. Cụ thể: Cấp nước làm mát máy, thiết bị (Lò cao, máy quạt, lò gió nóng, phun than, bộ nhỏ miệng gió và thiết bị đỉnh lò); cấp nước phục vụ mục đích khác (xối rửa thiết bị; xối rửa sân của máng quặng; bãi ra gang của sân mát gió; hệ thống cấp nguyên nhiên liệu và mục đích khác).

3. Nguồn nước khai thác: Khe Nà Pài, phụ lưu suối Nà Pài thuộc lưu vực sông Phó Đáy.

4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác nước: Thôn Nà Pài, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên.

Tọa độ vị trí khai thác (Theo Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực $106^{\circ}30'$ múi chiếu 3°): X(m): 2452380; Y(m): 410082.

5. Chế độ khai thác: 08 giờ/ngày, 25 ngày/tháng, 300 ngày/năm.

6. Lượng nước khai thác: 390 m^3 /ngày đêm, trong đó:

- Cấp nước làm mát máy, thiết bị (Lò cao, máy quạt, lò gió nóng, phun than, bộ nhỏ miệng gió và thiết bị đỉnh lò): 310 m^3 /ngày đêm.

- Cấp nước phục vụ mục đích khác (xối rửa thiết bị; xối rửa sân của máng quặng; bãi ra gang của sân mát gió; hệ thống cấp nguyên nhiên liệu và mục đích khác): 80 m^3 /ngày đêm.

7. Phương thức khai thác nước: Nước khe Nà Pài được dẫn về hồ chứa có dung tích chứa 28.000 m^3 qua cống ngầm bằng bê tông, đường kính 1m, chiều dài 206m. Tại hồ chứa bố trí trạm bơm, công suất $50 \text{ m}^3/\text{h}$ bơm lên bể chứa nước có dung tích 664 m^3 để cung cấp nước cho hoạt động sản xuất, chế biến khoáng sản tại Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Feromangan, công suất 60.000 tấn/năm.

8. Thời hạn của giấy phép: 08 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần phát triển công nghiệp Bắc Kạn:

1. Đảm bảo tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác nước.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.

5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

6. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường xảy ra liên quan đến hoạt động khai thác nước mặt như suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

7. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

8. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công trình khai thác nước bắt đầu vận hành cấp nước cho sản xuất, chế biến khoáng sản tại Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Feromangan, công suất 60.000 tấn/năm, phải nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

9. Trường hợp phát sinh mục đích khai thác, sử dụng nước khác hoặc phải điều chỉnh các nội dung của Giấy phép thì phải lập ngay hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt và hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

10. Nộp thuế tài nguyên (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

11. Hằng năm, trước ngày 30 tháng 01 tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước mặt của công trình này.

Điều 4. Công ty cổ phần phát triển công nghiệp Bắc Kạn được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chậm nhất 45 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần phát triển công nghiệp Bắc Kạn còn tiếp tục khai thác nước mặt như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thuế tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Chợ Đồn;
- Công ty cổ phần phát triển công nghiệp Bắc Kạn;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh TN (đăng tải);
- Lưu: VT, CNN&XD.

Hanhnh/12/2025-MC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan